

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG NGOẠI THỊ THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Thị Hải, Mai Hải Châu

Trường Đại học Lâm nghiệp – Phân hiệu Đồng Nai

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.2023.1.148-157>

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp (SXNN) vùng ngoại thị thành phố Long Khánh làm cơ sở cho định hướng sử dụng đất trong tương lai của vùng. Nghiên cứu đã tiến hành thu thập số liệu thứ cấp tại các phòng ban có liên quan gồm Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Khánh, Chi cục Thống kê thành phố Long Khánh, UBND thành phố và UBND các xã vùng ngoại thị. Tiến hành khảo sát 150 phiếu từ các hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp để thu thập số liệu sơ cấp về tình hình sản xuất của 5 loại sử dụng đất (LUT) theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên trên địa bàn 4 xã vùng ngoại thị. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả kinh tế của các LUT đạt mức trung bình đến rất cao, hiệu quả xã hội từ cao đến rất cao và hiệu quả môi trường từ trung bình đến rất cao. Sau khi tiến hành tổng hợp các chỉ số đánh giá cho thấy, các LUT sản xuất nông nghiệp của vùng đạt hiệu quả tổng hợp từ cao đến rất cao.

Từ khóa: hiệu quả sử dụng đất, loại sử dụng đất, sản xuất nông nghiệp, thành phố Long Khánh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng Nai là tỉnh có tốc độ phát triển công nghiệp hóa và đô thị hóa rất nhanh. Đặc điểm này làm cho nguồn lực đất đai trong nông nghiệp giảm mạnh. Trong phát triển kinh tế, ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Cơ cấu ngành nông nghiệp đang có sự chuyển dịch khá rõ nét theo hướng tăng nhanh về dịch vụ nông nghiệp, cây lâu năm có giá trị kinh tế cao đang có xu hướng tăng nhanh thay thế cây hàng năm có giá trị thấp. Long Khánh là thành phố trẻ với 11 phường và 4 xã, nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Đồng Nai, giàu tiềm năng và có nhiều lợi thế về phát triển kinh tế xã hội nói chung và nông nghiệp nói riêng. Nông nghiệp tuy chiếm tỷ trọng không lớn trong cơ cấu kinh tế, nhưng hiện vẫn sử dụng đến 83,7% tổng diện tích tự nhiên (DTTN) [3] và là nguồn thu nhập chính của lao động nông nghiệp. Do yêu cầu phát triển mạnh về khu vực kinh tế phi nông nghiệp, đô thị đã tạo ra áp lực rất lớn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của thành phố.

Vùng ngoại thị thành phố Long Khánh gồm 4 xã Bảo Quang, Bàu Trâm, Hàng Gòn và Bình Lộc có diện tích 10.366,5 ha chiếm 53,72% DTTN và diện tích đất SXNN chiếm tới 56,18% của thành phố [3]. Vùng này có lợi thế về điều

kiện tự nhiên cũng như định hướng kinh tế xã hội để phát triển sản xuất nông nghiệp. Cơ cấu kinh tế là nông nghiệp - dịch vụ - công nghiệp. SXNN với trình độ thâm canh cao và rất đa dạng các loại cây trồng. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng đất các loại sử dụng đất (LUT) của vùng này chưa được đánh giá một cách toàn diện, vẫn còn những khó khăn dẫn đến tính bền vững trong SXNN chưa đảm bảo. Chính vì vậy, nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp vùng ngoại thị của thành phố Long Khánh làm cơ sở cho định hướng sử dụng đất trong tương lai của vùng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

a. Thu thập các số liệu thứ cấp

Thu thập số liệu về đất đai, diện tích, cơ cấu các loại đất... tại phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã. Thu thập số liệu về cây trồng, cơ cấu mùa vụ, năng suất, sản lượng các loại cây trồng của 4 xã tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thống kê của thành phố [2]. Sử dụng các tài liệu, số liệu thống kê đất đai của thành phố năm 2021.

b. Thu thập số liệu sơ cấp

Nghiên cứu đã tiến hành điều tra nhanh nông hộ, phỏng vấn trực tiếp các chủ sử dụng đất về các đặc điểm môi trường tự nhiên (thổ nhưỡng,

khí hậu...), quy trình canh tác, các chi phí đầu tư ban đầu, đầu tư hàng năm, các biện pháp kỹ thuật, năng suất, sản lượng, nguồn vốn, thị trường tiêu thụ, giá bán, tỷ lệ sản phẩm hàng hóa, mức độ áp dụng cơ giới hóa theo từng công đoạn, lượng phân bón được sử dụng đối với từng LUT.

Với mỗi LUT tiến hành điều tra 30 hộ trực tiếp sản xuất theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên trên cả 4 xã. Tổng số phiếu điều tra là 150 phiếu cho 5 LUT được nghiên cứu đánh giá.

2.3. Phương pháp tính hiệu quả sử dụng đất

Hiệu quả sử dụng đất là tiêu chí đánh giá mức

độ khai thác sử dụng đất và được đánh giá thông qua một số chỉ tiêu sau:

+ *Hiệu quả kinh tế:*

- Giá trị sản xuất (GTSX):

$$GTSX = \text{giá nông sản} * \text{sản lượng}$$

- Chi phí trung gian (CPTG): là tổng các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất (không tính công lao động gia đình).

- Thu nhập hỗn hợp (TNHH):

$$TNHH = GTSX - CPTG$$

- Hiệu quả sử dụng đồng vốn (HQĐV):

$$HQĐV = TNHH / CPTG$$

Bảng 1. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế của các LUT thành phố Long Khánh

Cấp đánh giá	Thang điểm	GTSX	TNHH	HQĐV
		Triệu đồng/ha/năm	Triệu đồng/ha/năm	Lần
Rất cao	4	≥ 300	≥ 180	≥ 2
Cao	3	200 - < 300	120 - < 180	1,5 - < 2
Trung bình	2	100 - < 200	60 - < 120	1 - < 1,5
Thấp	1	< 100	< 60	< 1

Nguồn: Điều tra và xử lý (2022)

Tổng hợp điểm của 03 chỉ tiêu xác định hiệu quả kinh tế cho mỗi LUT dựa theo phương pháp của Nguyễn Phúc Khoa và cộng sự (2020) [5] như sau: LUT đạt hiệu quả rất cao ≥ 9 điểm, LUT đạt hiệu quả cao từ ≥ 7 đến < 9 điểm, LUT đạt hiệu quả trung bình từ ≥ 5 đến < 7 điểm và LUT đạt hiệu quả thấp < 5 điểm.

+ Hiệu quả xã hội được đánh giá bằng các chỉ

tiêu tỷ lệ sản phẩm hàng hóa, khả năng áp dụng cơ giới hóa, mức độ hài lòng của người dân với các loại sử dụng đất (LUT). Khả năng áp dụng cơ giới hóa được tính trung bình từ kết quả điều tra nông hộ trong các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc gồm tưới tiêu và phun thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), thu hoạch, sơ chế, vận chuyển và bảo quản với đơn vị tính là %.

Bảng 2. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội của các LUT thành phố Long Khánh

Cấp đánh giá	Thang điểm	Tỷ lệ sản phẩm hàng hóa (%)	Khả năng áp dụng cơ giới hóa (%)	Mức độ hài lòng của người dân
Rất cao	4	≥ 90	≥ 85	Rất hài lòng
Cao	3	80 - < 90	70 - < 85	Hài lòng
Trung bình	2	70 - < 80	50 - < 70	Bình thường
Thấp	1	< 70	< 50	Không hài lòng

Nguồn: Điều tra và xử lý (2022)

Sử dụng thang đo Likert [1, 6] để đánh giá mức độ hài lòng của người dân với các LUT. Với 5 mức độ đánh giá, tương ứng với 5 điểm từ: rất hài lòng - 5 điểm; hài lòng - 4 điểm; bình thường - 3 điểm; không hài lòng - 2 điểm; rất không hài lòng - 1 điểm. Chỉ số đánh giá chung là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ áp dụng. Thang

đánh giá chung là rất hài lòng: > 4,20; hài lòng: 3,40 – 4,19; bình thường: 2,60 – 3,39; không hài lòng: 1,80 – 2,59; rất không hài lòng: < 1,80.

Tổng hợp điểm của 03 chỉ tiêu xác định hiệu quả xã hội cho mỗi LUT dựa theo phương pháp của Nguyễn Phúc Khoa và cộng sự (2020) [5] như sau: LUT đạt hiệu quả rất cao ≥ 9 điểm, LUT đạt hiệu quả cao từ ≥ 7 đến < 9 điểm, LUT

đạt hiệu quả trung bình từ ≥ 5 đến < 7 điểm và LUT đạt hiệu quả thấp < 5 điểm.

+ Hiệu quả môi trường được đánh giá thông qua các chỉ tiêu: (1) Mức độ sử dụng phân bón hóa học N-P-K. (2) Khả năng bảo vệ và cải tạo

đất của các loại sử dụng đất: Khả năng duy trì ổn định hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất; duy trì khả năng trả lại chất hữu cơ cho các loại sử dụng đất. (3) Mức độ che phủ các loại sử dụng đất.

Bảng 3. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả môi trường của các LUT thành phố Long Khánh

Cấp đánh giá	Thang điểm	Mức độ sử dụng phân bón hóa học (% vượt)	Khả năng bảo vệ và cải tạo đất (%)	Mức độ che phủ (%)
Rất cao	4	≤ 0	≥ 80	≥ 80
Cao	3	0 - < 15	60 - < 80	60 - < 80
Trung bình	2	15 - < 30	40 - < 60	40 - < 60
Thấp	1	> 30	< 40	< 40

Nguồn: Điều tra và xử lý (2022)

Tổng hợp điểm của 03 chỉ tiêu xác định hiệu quả môi trường cho mỗi LUT dựa theo phương pháp của Nguyễn Phúc Khoa và cs (2020) [5] như sau: LUT đạt hiệu quả rất cao ≥ 9 điểm, LUT đạt hiệu quả cao từ ≥ 7 đến < 9 điểm, LUT đạt hiệu quả trung bình từ ≥ 5 đến < 7 điểm và LUT đạt hiệu quả thấp < 5 điểm.

+ *Hiệu quả tổng hợp* của các LUT được xác định dựa theo phương pháp của Nguyễn Phúc Khoa và cộng sự (2020) [5] theo 3 tiêu chí: Hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường. LUT có hiệu quả rất cao là LUT không có loại hiệu quả nào ở mức trung bình hoặc thấp và có ít nhất 02 loại hiệu quả ở mức rất cao. LUT

có hiệu quả cao là LUT không có loại hiệu quả nào ở mức thấp và có ít nhất 02 loại hiệu quả ở mức cao. LUT có hiệu quả trung bình là loại sử dụng đất không có loại hiệu quả nào ở mức thấp và có 01 loại hiệu quả ở mức cao hoặc cả 03 loại hiệu quả ở mức trung bình. LUT có hiệu quả thấp là LUT có ít nhất 01 loại hiệu quả ở mức thấp. Kết quả đánh giá tổng hợp hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của các LUT sẽ là cơ sở đề khuyến cáo nên lựa chọn LUT có hiệu quả bền vững.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng sản xuất nông nghiệp của vùng ngoại thị thành phố Long Khánh

3.1.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp

Bảng 4. Hiện trạng sử dụng đất vùng ngoại thị thành phố Long Khánh năm 2021

STT	Loại đất	Mã	Toàn thành phố	Vùng ngoại thị	
			(ha)	(ha)	Tỷ lệ (%)
I	Tổng diện tích	TTN	19.297,8	10.366,5	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	16.153,1	9.117,2	87,95
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	16.007,0	8.992,7	98,64
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	1.302,7	879,4	9,78
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	909,0	633,9	72,08
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	393,7	245,5	27,92
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14.704,3	8.113,3	90,22
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	4,7	4,7	0,05
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	39,1	33,3	0,37
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	102,3	86,4	0,95
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.144,8	1.249,3	12,05

Nguồn: UBND TP. Long Khánh (2022)

Năm 2021, phần lớn đất đai của thành phố được sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp với 16.153,1 ha chiếm 83,70%; đất phi nông nghiệp chiếm 16,30% DTTN. Trong đất nông nghiệp, đất sản xuất nông nghiệp là 16.007 ha chiếm tới 99,1% chủ yếu là đất trồng cây lâu năm với 14.704,3 ha; đất lâm nghiệp chỉ chiếm 0,03%; đất nuôi trồng thủy sản chiếm 0,24%; và đất nông nghiệp khác chiếm 0,63%. Vùng ngoại thị có diện tích 10.366,5 ha chiếm tới 53,72% DTTN toàn thành phố.

Trong vùng ngoại thị, diện tích được sử dụng cho mục đích nông nghiệp là chủ yếu với 87,95% DTTN của vùng. Trong đó chủ yếu là

đất sản xuất nông nghiệp với 98,64%; đất trồng cây lâu năm cũng chiếm đa số với 90,22% và đất trồng cây hàng năm chỉ chiếm 9,78% trong đất SXNN.

3.1.2. Các loại sử dụng đất sản xuất nông nghiệp chính của vùng

Các loại sử dụng đất được xác định dựa trên cơ sở những tài liệu cơ bản của thành phố và kết quả khảo sát trực tiếp nông hộ. Kết quả tổng hợp cho thấy có 5 LUT chính: LUT chuyên lúa, LUT lúa – màu, LUT chuyên rau màu, LUT cây công nghiệp (CN) lâu năm và LUT cây ăn quả với hệ thống cây trồng rất phong phú, đa dạng.

Bảng 5. Diện tích, năng suất của một số cây trồng chủ lực năm 2021 vùng ngoại thị

TT	Loại cây	Diện tích của toàn thành phố (ha)	Vùng ngoại thị		
			Diện tích trồng (ha)	Tỷ lệ (%)	Năng suất trung bình (tạ/ha)
1	Chuối	212,69	41,09	19,32	210,4
2	Sầu riêng	1.981,94	799,32	40,33	110,0
3	Mít	1.691,41	1.464,16	86,56	181,4
4	Măng cụt	407,29	162,59	39,92	65,0
5	Bưởi	958,76	823,58	85,90	142,1
6	Chôm chôm	1.601,91	1.020,50	63,71	166,0
7	Đào	813,80	450,80	55,39	12,0
8	Hồ tiêu	713,14	424,64	59,55	25,0
9	Cao su	426,90	124,40	29,14	15,6
10	Cà phê	688,34	399,64	58,06	25,0
11	Lúa	2.975,70	2.182,00	73,33	58,5
12	Ngô	899,50	864,50	96,11	72,4
13	Rau các loại	494,50	424,50	85,84	106,1

Nguồn: Chi cục thống kê TP. Long Khánh (2022)

Nhóm cây hàng năm của thành phố Long Khánh chủ yếu được trồng tại vùng ngoại thị với diện tích lớn và năng suất khá cao. Lớn nhất là diện tích trồng ngô chiếm tới 96,11%; diện tích trồng rau chiếm 85,84% của cả thành phố. Trong nhóm cây lâu năm, đây cũng được coi là vùng chủ lực của thành phố với 8.113,3 ha trên

tổng số 14.704,3 toàn thành phố. Cây mít được trồng đến 86,56% tại khu vực ngoại thị; bưởi là 85,9%; chôm chôm 63,71%.

3.2. Hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp vùng ngoại thị thành phố Long Khánh

3.2.1. Hiệu quả kinh tế

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế và xã hội của các loại sử dụng đất (tính trên 1 ha)

LUT/Kiểu sử dụng đất	GTSX		CPTG		TNHH		HQĐV		Tỷ lệ sản phẩm hàng hóa		Khả năng áp dụng cơ giới hóa	
	Triệu đồng	Điểm	Triệu đồng	Triệu đồng	Điểm	Lần	Điểm	%	Điểm	%	Điểm	
1. LUT chuyên lúa	141,05	2	53,33	87,72	2	1,64	3	87,67	3	68,10	2	
Lúa Đông Xuân – lúa Hè Thu – lúa mùa	141,05	2	53,33	87,72	2	1,64	3	87,67	3	68,10	2	
2. LUT lúa - màu	137,25	2	65,75	71,50	2	1,09	2	84,50	3	64,92	2	
Ngô Đông Xuân – lúa Hè Thu – lúa mùa	135,25	2	62,50	72,75	2	1,16	2	85,67	3	65,83	2	
Ngô Đông Xuân – ngô Hè Thu – lúa mùa	139,25	2	69,00	70,25	2	1,02	2	83,33	3	64,00	2	
3. LUT chuyên rau màu	224,07	3	90,08	133,98	3	1,49	2	89,00	3	56,50	2	
4 vụ ngô sinh khối	216,00	3	78,00	138,00	3	1,77	3	93,00	4	82,50	4	
2 vụ ngô - rau	176,20	2	78,75	97,45	2	1,24	2	84,00	3	52,50	2	
Chuyên rau các loại	280,00	3	113,50	166,50	3	1,47	2	90,00	4	34,50	1	
4. LUT cây CN lâu năm	104,96	2	41,13	63,84	2	1,55	3	99,50	4	36,85	1	
Điều	50,16	1	14,80	35,36	1	2,39	4	100	4	36,30	1	
Hồ tiêu	199,20	2	87,65	111,55	2	1,27	2	98,00	4	41,20	1	
Cao su	65,28	1	23,50	41,78	1	1,78	3	100	4	26,70	1	
Cà phê	105,20	2	38,55	66,65	2	1,73	3	100	4	43,20	1	
5. LUT cây ăn quả	333,30	4	134,50	198,80	4	1,48	2	93,50	4	48,10	1	
Chuối	196,00	2	86,50	109,50	2	1,27	2	95,00	4	65,00	2	
Sầu riêng	726,00	4	281,00	445,00	4	1,58	2	96,00	4	55,50	2	
Mít	198,00	2	68,00	130,00	3	1,91	3	96,00	4	42,10	1	
Mãng cụt	411,80	4	138,00	273,80	4	1,98	3	96,00	4	48,50	1	
Bưởi	180,00	2	106,50	73,50	2	0,69	1	87,00	3	42,30	2	
Chôm chôm	288,00	3	127,00	161,00	3	1,27	2	91,00	4	35,20	1	

Nguồn: Tổng hợp từ điều tra nông hộ (2022)

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 6 cho thấy, hiệu quả kinh tế của các LUT có sự chênh lệch khá lớn và trong cùng một LUT thì các kiểu sử dụng đất cũng cho hiệu quả kinh tế khác nhau rõ nét.

Phân đa các kiểu sử dụng đất được đánh giá và có kết quả về hiệu quả kinh tế ở mức trung bình. Không có kiểu sử dụng đất nào có hiệu quả kinh tế ở mức thấp. LUT chuyên lúa và LUT lúa - màu cho hiệu quả kinh tế tương đối đồng đều giữa các kiểu sử dụng đất và ở mức trung bình, đây là 2 LUT dễ trồng, hiệu quả không cao nhưng ổn định, đảm bảo được cuộc sống của người dân. LUT chuyên rau màu có hiệu quả kinh tế ở mức cao.

Trong nhóm cây lâu năm, LUT cây CN lâu năm có hiệu quả ở mức trung bình và đồng đều

giữa các kiểu sử dụng đất. LUT cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế ở mức cao và cao nhất trong các LUT.

LUT cây ăn quả cho GTSX cao nhất với trung bình 333,3 triệu đồng cao gấp 3,18 lần GTSX của LUT cây CN lâu năm và cao gấp 2,43 lần GTSX của LUT lúa – màu. Trong đó sầu riêng cho GTSX đạt 726 triệu đồng/ha/năm cao gấp 14,5 lần GTSX của điều và 11,1 lần của cao su, tuy nhiên chi phí bỏ ra để sản xuất sầu riêng cũng cao nhất với 281 triệu đồng/ha/năm cùng với các yêu cầu cao về trình độ và kỹ thuật sản xuất. Tiếp theo đó là măng cụt với GTSX đạt 411,8 triệu đồng/ha/năm và TNHH đạt 273,8 triệu đồng/ha/năm.

Như vậy để nâng cao hiệu quả kinh tế trong

sử dụng đất nông nghiệp thì việc lựa chọn các cây trồng, các loại sử dụng đất và cơ cấu mùa vụ là rất quan trọng.

3.2.2. Hiệu quả xã hội

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 6 cho thấy, tỷ lệ sản phẩm hàng hóa trong sản xuất nông nghiệp của vùng ngoại thị thành phố Long Khánh đạt từ cao đến rất cao, phù hợp với chiến lược phát triển nông nghiệp của thành phố. Sản phẩm nông sản của TP. Long Khánh không chỉ phục vụ cho thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước mà còn là thế mạnh để phát triển du lịch sinh thái vườn vào mùa trái cây chín. Khả năng áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp của vùng ngoại thị thành phố Long Khánh còn hạn chế, chỉ đạt mức thấp đến trung bình. Trong đó cao nhất là LUT chuyên lúa đạt 68,1% và thấp nhất là LUT cây CN lâu năm với

36,85%. Qua khảo sát nông hộ cho thấy, việc áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất chủ yếu còn hạn chế ở khâu phun thuốc BVTV, khâu sơ chế và bảo quản chế biến. Kiểu sử dụng đất 4 vụ ngô sinh khối có khả năng áp dụng cơ giới hóa cao nhất với 82,5% trong cả quá trình sản xuất. Theo khảo sát, kiểu sử dụng đất này chỉ còn khâu bảo quản là người dân chưa chủ động được mà phụ thuộc vào các doanh nghiệp thu mua.

Số liệu Bảng 7 cho thấy, mức độ hài lòng của người dân với các LUT đều ở mức hài lòng và rất hài lòng. LUT chuyên rau màu được đánh giá là rất hài lòng với điểm TBC đạt 4,43 điểm. LUT cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế cao nhất, tuy nhiên theo đánh giá của người dân thì đây cũng là loại sử dụng không ổn định về giá cả và thị trường đầu ra, phụ thuộc nhiều vào thương lái.

Bảng 7. Mức độ hài lòng của người dân với các LUT

LUT	Mức độ hài lòng của người dân (đơn vị tính: số hộ)					Tổng hộ	Điểm TBC	Đánh giá
	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng			
LUT Chuyên lúa	6	16	5	3	0	30	3,83	Hài lòng
LUT Lúa - màu	9	11	8	2	0	30	3,90	Hài lòng
LUT Chuyên rau màu	16	11	3	0	0	30	4,43	Rất hài lòng
LUT cây CN lâu năm	5	11	11	3	0	30	3,60	Hài lòng
LUT cây ăn quả	11	11	6	2	0	30	4,03	Hài lòng

Nguồn: Tổng hợp từ điều tra nông hộ (2022)

Ngô sinh khối là một hướng đi mới của người dân Long Khánh trong những năm gần đây, trồng ngô sinh khối có nhiều ưu điểm so với trồng ngô lấy hạt. Người dân không phải quá lo lắng về thời tiết, bệnh hại làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng ngô hạt. Trồng ngô lấy thân chỉ cần 80 - 85 ngày là thu hoạch (trong khi ngô lấy hạt là 100 - 105 ngày), mỗi năm có thể canh tác nhiều vụ mà ít tốn chi phí đầu tư hơn nên mô hình này đang khá hấp dẫn người dân. Ngoài ra, nếu như giá ngô thương phẩm tăng lên, người dân hoàn toàn có thể linh động chuyển từ bán ngô sinh khối sang thu hoạch ngô thương phẩm. Việc chăm sóc và thu hoạch cũng được thực hiện cơ giới hóa gần hết nên

người dân đánh giá rất cao tính thích hợp của kiểu sử dụng đất này với hệ thống sản xuất của họ. Thị trường tiêu thụ của ngô sinh khối cũng rất rộng mở từ làm thức ăn chăn nuôi cho chăn nuôi tại chỗ, trong nước và hiện đã xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Qua khảo sát thực tế cho thấy, người dân thành phố Long Khánh vài năm trở lại đây đã tiếp cận với hệ thống bán nông sản của mình chủ yếu là sào riêng, chôm chôm, măng cụt, mít qua hệ thống mạng xã hội và một số trang điện tử bán hàng online. Kết quả cho thấy người nông dân cắt bớt được khâu trung gian, thủ tục hành chính... khi đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ và có được phân khúc thị trường ổn định, hạn

chế bị ép giá bởi thương lái và chủ động thị trường cho nông sản mình làm ra. Do nhu cầu của người tiêu dùng theo xu hướng sử dụng sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ đã góp phần thay

đổi tư duy, phương thức sản xuất của người dân theo hướng sản xuất sạch, sản xuất hữu cơ để đảm bảo đầu ra và giá trị kinh tế thu về từ thị trường chủ động này.

Bảng 8. Hiệu quả kinh tế - xã hội của các loại sử dụng đất vùng ngoại thị thành phố Long Khánh

LUT	Hiệu quả kinh tế					Hiệu quả xã hội				
	GTSX	TNHH	HQĐV	Tổng điểm	Đánh giá	Tỷ lệ sản phẩm hàng hóa	Khả năng áp dụng cơ giới hóa	Mức độ hài lòng của người dân	Tổng điểm	Đánh giá
LUT Chuyên lúa	2	2	3	7	Cao	3	2	3	8	Cao
LUT Lúa - màu	2	2	2	6	Trung bình	3	2	3	8	Cao
LUT Chuyên rau màu	3	3	2	8	Cao	3	2	4	9	Rất cao
LUT cây CN lâu năm	2	2	3	7	Cao	4	1	3	8	Cao
LUT cây ăn quả	4	4	2	10	Rất cao	4	1	3	8	Cao

Nguồn: Kết quả điều tra và đánh giá (2022)

Trên cơ sở phân tích các tiêu chí đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội đối với từng loại sử dụng đất tại Bảng 8 cho thấy: Các LUT có hiệu quả kinh tế từ trung bình đến rất cao, hiệu quả xã hội được đánh giá từ mức cao đến rất cao.

3.2.3. Hiệu quả môi trường

Mức độ sử dụng phân bón được đánh giá thông qua so sánh việc sử dụng phân bón thực tế với định mức quy định tại Quyết định số 37/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng tại tỉnh Đồng Nai [4].

Kết quả tại Bảng 9 cho thấy:

- Việc sử dụng phân đạm (N) chủ yếu cao hơn so với định mức tuy nhiên cao hơn không nhiều, chỉ có cây ngô Hè Thu, Mùa là cao hơn tới 25%. Có 4 cây trồng thấp hơn định mức là chôm chôm, điều, cao su, cà phê và thấp hơn không quá 5% so với định mức.

- Việc sử dụng phân lân (P) chủ yếu ít hơn hoặc cao hơn định mức trong khoảng nhỏ hơn 8% mà không có cây trồng nào cao hơn hoặc thấp hơn quá lớn.

- Phân kali (K) được sử dụng so với định mức có sự chênh lệch khá nhiều như cây rau các loại thấp hơn định mức 25%, cây ngô Hè Thu, Mùa cao hơn định mức 23,08%. Còn lại thấp hơn hoặc cao hơn không đáng kể so với định mức quy định.

- Phân hữu cơ vi sinh được sử dụng chủ yếu cao hơn hoặc thấp hơn định mức trong khoảng 10% là chủ yếu. Cây tiêu và điều sử dụng ít hơn định mức 21% và 27,5%.

Như vậy, việc sử dụng phân bón cho cây trồng tại thành phố Long Khánh cơ bản phù hợp với quy định, chỉ có một vài cây trồng có sự chênh lệch vượt quá 20% so với định mức cần có giải pháp nâng cao hiểu biết cho người dân về tác dụng của sử dụng hợp lý phân bón và cân đối giữa các loại phân bón.

Bảng 9. Tình hình sử dụng phân bón cho một số cây trồng chính thành phố Long Khánh

Cây trồng	N (kg/ha)			P (kg/ha)			K (kg/ha)			Phân hữu cơ vi sinh (kg/ha)		
	Định mức	Thực tế	Vượt (%)	Định mức	Thực tế	Vượt (%)	Định mức	Thực tế	Vượt (%)	Định mức	Thực tế	Vượt (%)
Chuối	750	765,5	2,07	1250	1150	-8,0	625	700	12,0	4000	3850	-3,75
Sầu riêng	390	415	6,41	390	385	-1,28	390	380	-2,56	4000	3912	-2,20
Mít	417	421	0,96	556	550	-1,08	348	350	0,57	4000	4125	3,13
M.cụt	273	281	2,93	234	230	-1,71	109	110	0,92	4000	4350	8,75
Bưởi	208	210	0,96	416	410	-1,44	208	210	0,96	4000	3425	-14,37
Chôm chôm	250	249	-0,4	280	281	0,36	200	220	10	4000	4650	16,25
Đào	269	245	-8,92	322	321	-0,31	90	75	-16,67	2000	1450	-27,50
Hồ tiêu	667	710	6,45	667	685	2,7	267	295	10,49	2668	2100	-21,29
Cao su	300	285	-5	300	280	-6,67	150	120	-20	-	-	-
Cà phê	556	550	-1,08	778	770	-1,03	389	380	-2,31	2000	2150	7,50
Lúa ĐX	230	250	8,7	400	410	2,5	160	165	3,13	1000	1100	10,00
Lúa HT	217	230	5,99	375	400	6,67	150	170	13,33	1000	1050	5,00
Lúa mùa	217	230	5,99	375	400	6,67	150	170	13,33	1000	1050	5,00
Ngô ĐX	450	450	0	500	490	-2	170	160	-5,88	1000	1100	10,00
Ngô HT, Mùa	320	400	25	350	380	8,57	130	160	23,08	1000	1100	10,00
Rau các loại	250	285	14	300	310	3,33	60	45	-25,00	1000	1050	5,00
Ngô sinh khối	450	500	11,11	500	500	0	170	180	5,88	1000	1080	8,00

Nguồn: Tổng hợp từ điều tra nông hộ (2022)

Bảng 10. Hiệu quả môi trường của các loại sử dụng đất vùng ngoại thị thành phố Long Khánh

LUT	Mức độ sử dụng phân bón hóa học		Khả năng bảo vệ và cải tạo đất		Mức độ che phủ		Đánh giá	
	(% vượt)	Điểm	(%)	Điểm	(%)	Điểm	Tổng điểm	Đánh giá
LUT Chuyên lúa	7,39	3	50	2	38	1	6	Trung bình
LUT Lúa - màu	10,23	3	62	3	41	2	8	Cao
LUT Chuyên rau màu	12,07	3	65	3	45	2	8	Cao
LUT cây CN lâu năm	-3,53	4	75	3	87	4	11	Rất cao
LUT cây ăn quả	1,21	3	75	3	82	4	10	Rất cao

Nguồn: Tổng hợp đánh giá (2022)

Trên cơ sở phân tích các tiêu chí đánh giá về hiệu quả môi trường đối với từng loại sử dụng đất tại bảng 10 cho thấy, LUT cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm có hiệu quả môi trường rất cao, các LUT cây hàng năm có hiệu quả môi trường từ trung bình đến cao. Các LUT cây hàng năm là cây ngắn ngày, đòi hỏi mức đầu tư cao

về phân bón, là những cây thân cỏ chiều cao thấp nên mức che phủ không cao, hơn nữa mỗi năm gieo trồng nhiều vụ nên mức độ tác động vào đất nhiều làm cho đất bị xáo trộn nhiều nên khả năng khoáng hóa chất hữu cơ cao trong khi mức độ trả lại chất hữu cơ cho đất lại thấp hơn các loại cây lâu năm.

3.2.4. Đánh giá hiệu quả tổng hợp của các loại sử dụng đất vùng ngoại thị thành phố Long Khánh

Qua phân tích hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của các loại sử dụng đất nông nghiệp

vùng ngoại thị thành phố Long Khánh, kết quả tổng hợp đánh giá hiệu quả của các loại sử dụng này được thể hiện tại Bảng 11. Việc đánh giá hiệu quả được phân chia thành 04 cấp như sau: rất cao, cao, trung bình và thấp.

Bảng 11. Hiệu quả tổng hợp của các loại sử dụng đất vùng ngoại thị thành phố Long Khánh

LUT	Hiệu quả kinh tế	Hiệu quả xã hội	Hiệu quả môi trường	Đánh giá chung
LUT Chuyên lúa	Cao	Cao	Trung bình	Cao
LUT Lúa - màu	Trung bình	Cao	Cao	Cao
LUT Chuyên rau màu	Cao	Rất cao	Cao	Cao
LUT cây CN lâu năm	Cao	Cao	Rất cao	Cao
LUT cây ăn quả	Rất cao	Cao	Rất cao	Rất cao

Nguồn: Tổng hợp đánh giá (2022)

Như vậy, các loại sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của vùng ngoại thị thành phố Long Khánh có hiệu quả tổng hợp từ mức cao đến rất cao. LUT cây ăn quả có hiệu quả rất cao. Đây là LUT có ưu thế của tỉnh Đồng Nai nói chung và thành phố Long Khánh nói riêng, mặc dù vẫn còn một số khó khăn khi phải phụ thuộc biến động của thị trường trong và ngoài nước, tuy nhiên với những cơ hội trong thời gian tới cùng với việc người dân tiếp cận với các kênh bán hàng khác nhau sẽ tạo ra những lợi thế cho đầu ra của sản phẩm.

Mặc dù được đánh giá có hiệu quả tổng hợp cao, tuy nhiên LUT chuyên lúa có hiệu quả môi trường chỉ ở mức trung bình; LUT lúa – màu có hiệu quả kinh tế trung bình. Cần có các giải pháp về quy hoạch và chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp để nâng cao hiệu quả môi trường trên diện tích này.

4. KẾT LUẬN

Long Khánh là thành phố trẻ của tỉnh Đồng Nai với nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp. Vùng ngoại thị của thành phố bao gồm 4 xã Hàng Gòn, Bảo Quang, Bàu Trâm và Bình Lộc có diện tích 10.366,5 ha chiếm 53,72% DTTN và diện tích đất SXNN chiếm tới 56,18% của toàn thành phố. Vùng ngoại thị thành phố Long Khánh có hệ thống cây trồng hàng năm và cây lâu năm rất đa dạng,

phong phú và là vùng sản xuất nông nghiệp chủ lực của thành phố.

Kết quả nghiên cứu về hiệu quả các LUT vùng ngoại thị thành phố Long Khánh cho thấy:

- Về hiệu quả kinh tế: Các LUT có hiệu quả từ mức trung bình đến cao, cao nhất là LUT cây ăn quả với GTSX trung bình đạt 333,3 triệu đồng/ha/năm cao gấp 3,18 lần GTSX của LUT cây CN lâu năm và cao gấp 2,43 lần GTSX của LUT lúa – màu; TNHH đạt 198,8 triệu đồng/ha/năm. Trong đó, cây măng cụt có hiệu quả kinh tế ở mức rất cao; sầu riêng, mít và chôm chôm được đánh giá ở mức cao.

- Về hiệu quả xã hội: tỷ lệ sản phẩm hàng hóa của nông nghiệp thành phố Long Khánh là rất cao (từ 84 - 100%). Khả năng áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế và chủ yếu hạn chế ở khâu phun thuốc BVTV, khâu sơ chế và bảo quản chế biến. Người dân thấy hài lòng đến rất hài lòng đối với các LUT, kiểu sử dụng đất được người dân hài lòng nhất là 4 vụ ngô (ngô sinh khối) và cây sầu riêng với điểm TBC đạt 4,67 điểm và thấp nhất là cây điều với 3,27 điểm.

- Về hiệu quả môi trường: việc sử dụng phân bón cho cây trồng tại thành phố Long Khánh cơ bản phù hợp với quy định, chỉ có một vài cây trồng có sự chênh lệch vượt quá 20% so với định mức như phân K cho cây ngô, rau các loại; phân

N cho cây ngô và phân hữu cơ vi sinh cho cây tiêu, điều. Về mức độ ảnh hưởng đến môi trường của các LUT cho thấy cả 5 LUT đều ảnh hưởng đến môi trường ở mức độ trung bình. Xét theo các kiểu sử dụng đất thì có sự khác nhau khá rõ nét. Cây điều được đánh giá là rất ít tác động xấu đến môi trường với 4,23 điểm và kiểu chuyên rau các loại ảnh hưởng nhiều đến môi trường với 2,43 điểm, cây hồ tiêu với 2,53 điểm.

Sau khi tiến hành phân cấp và đánh giá tổng hợp các tiêu chí cho thấy, các loại sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của vùng ngoại thị thành phố Long Khánh cho hiệu quả từ cao đến rất cao và có sự ảnh hưởng qua lại giữa các mặt kinh tế, xã hội và môi trường trong đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. NXB Thống kê. Hà Nội.
- [2]. Chi cục Thống kê thành phố Long Khánh (2022). Báo cáo thống kê cây trồng năm 2021 thành phố Long Khánh.
- [3]. UBND thành phố Long Khánh (2022). Báo cáo thống kê đất đai năm 2021 thành phố Long Khánh.
- [4]. UBND tỉnh Đồng Nai (2021). Quyết định 37/2021/QĐ-UBND Ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng tại tỉnh Đồng Nai.
- [5]. Nguyễn Văn Bình, Thi Quý Phú & Nguyễn Phúc Khoa (2020). Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp, 4(3): 1993-2002.
- [6]. Likert R. (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. Archives of Psychology, Vol. 140, No. 55.

EVALUATE EFFICIENCY OF CULTIVATED LAND USE IN LONG KHANH CITY, DONG NAI PROVINCE

Nguyen Thi Hai, Mai Hai Chau

Vietnam National University of Forestry – Dong Nai Campus

ABSTRACT

The study aims to evaluate the efficiency of agricultural land use in the suburbs of Long Khanh city as a basis for the future land use orientation of the region. The study has been conducted to collect secondary data from relevant departments including the Department of Natural Resources and Environment of Long Khanh city, the Department of Statistics of Long Khanh city, the City People's Committee and the People's Committees of communes in suburban areas. survey of 150 questionnaires from households directly engaged in agricultural production to collect primary data on the production situation of 5 types of land use (LUT) by random sampling method in 4 communes in the suburbs. The results show that the economic efficiency of LUTs is medium to very high, the social efficiency is from high to very high and the environmental efficiency is from medium to very high. After synthesizing the evaluation indicators, the agricultural production LUTs of the region achieved the combined efficiency from high to very high.

Keywords: agricultural production, land use efficiency, land use type, Long Khanh city.

Ngày nhận bài : 30/11/2022

Ngày phản biện : 03/01/2023

Ngày quyết định đăng : 20/01/2023